

Ngày 30/09/2025	30,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.7%	10.7%	10.7%

	Q3/25	
ROE	6.6%	+/- YoY ▼ 0.7%

	Q3/25		
DT thuần	5.51	QoQ ▲ 0.17 ▲ 3.3%	YoY ▼ 0.20 ▼ 3.4%
		tỷ VNĐ	

	9T 2025	
DT thuần	17.1	YoY ▼ 0.50 ▼ 3.1%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN gộp	2.33	QoQ ▲ 0.52 ▲ 28.9%	YoY ▲ 0.60 ▲ 34.9%
		tỷ VNĐ	

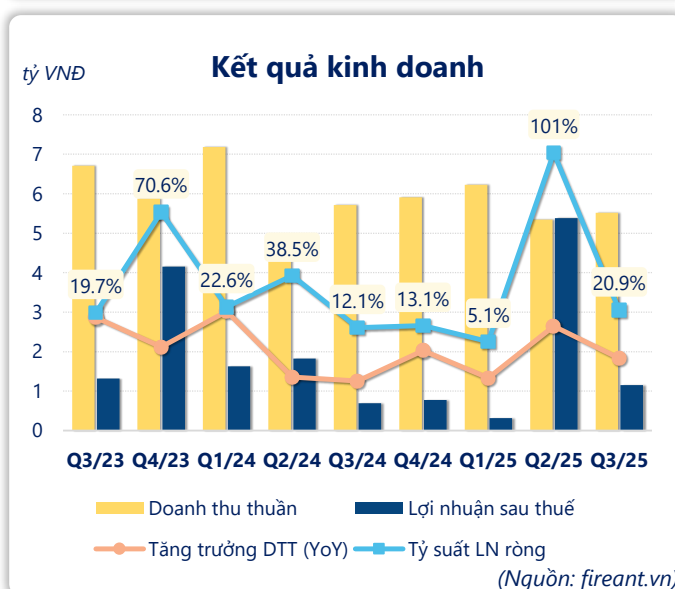
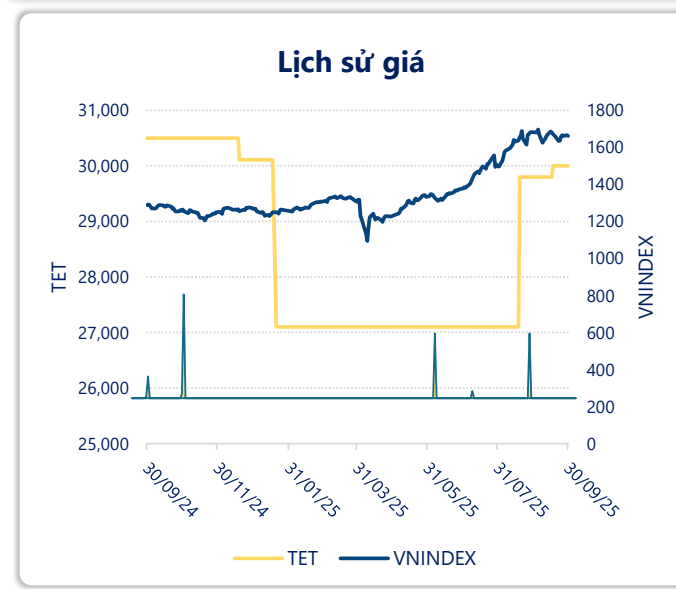
	9T 2025	
LN gộp	6.44	YoY ▲ 0.18 ▲ 2.8%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN thuần	1.61	QoQ ▼ 0.41 ▼ 20.3%	YoY ▲ 0.58 ▲ 56.2%
		tỷ VNĐ	

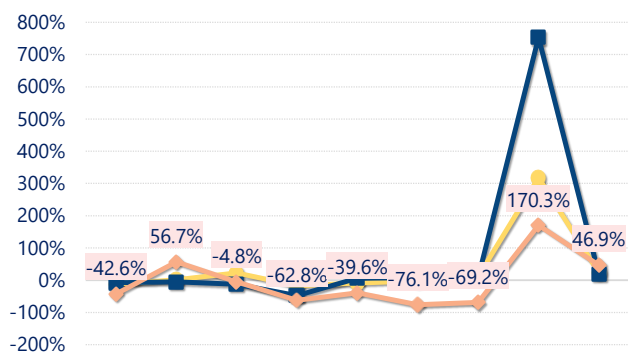
	9T 2025	
LN thuần	4.18	YoY ▲ 0.20 ▲ 5.0%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN sau thuế	1.15	QoQ ▼ 4.23 ▼ 78.5%	YoY ▲ 0.46 ▲ 67.4%
		tỷ VNĐ	

	9T 2025	
LN sau thuế	6.85	YoY ▲ 2.71 ▲ 65.5%
		tỷ VNĐ



Tăng trưởng lợi nhuận

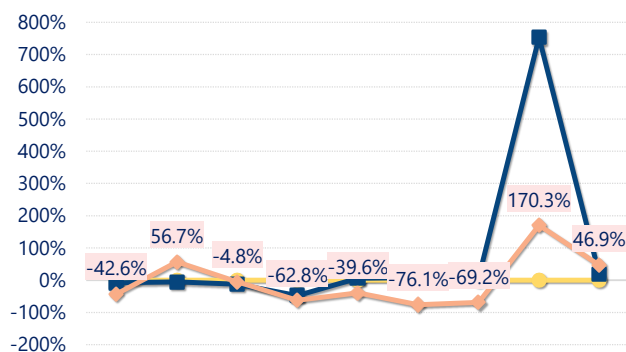


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

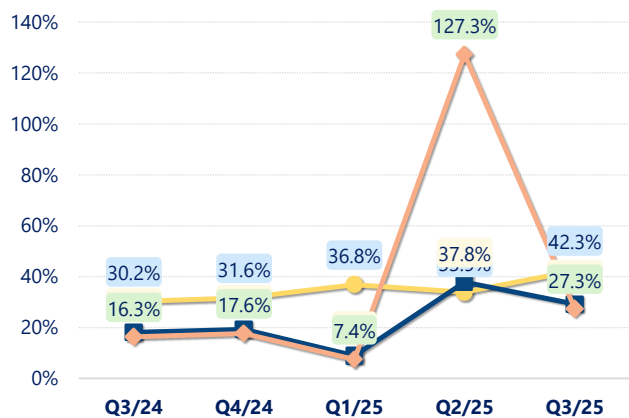


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

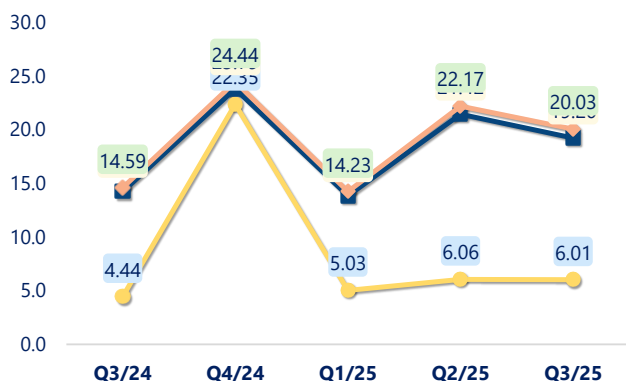


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

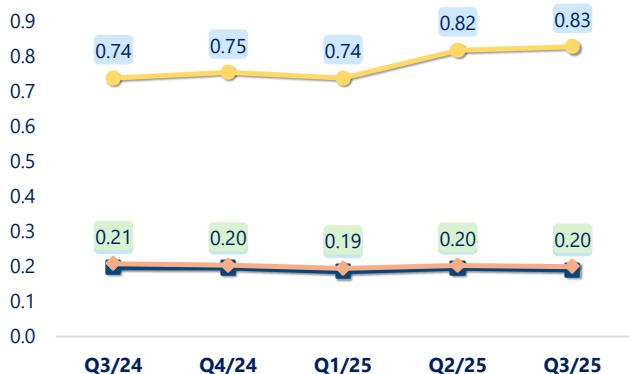


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

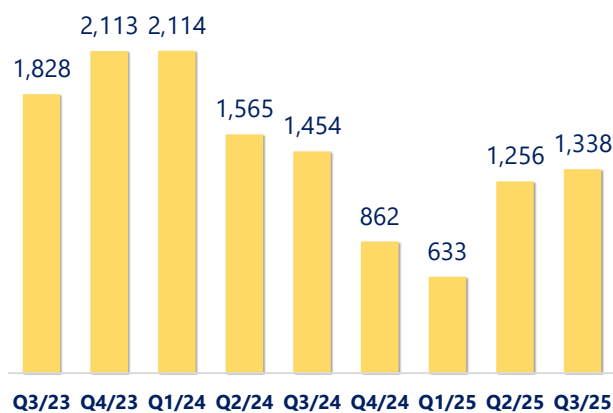


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	5.51	5.71	-3.4%	17.1	17.6	-3.1%
Giá vốn hàng bán	3.18	3.99	-20.3%	10.6	11.4	-6.4%
Lợi nhuận gộp	2.33	1.73	34.9%	6.44	6.26	2.8%
Doanh thu HĐTC	0.98	0.98	0.0%	2.93	2.94	-0.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.70	1.67	2.0%	5.18	5.22	-0.7%
LN thuần từ HĐKD	1.61	1.03	56.2%	4.18	3.98	5.0%
Lợi nhuận khác	-0.10	-0.10	-1.4%	4.59	1.40	229%
LN trước thuế	1.51	0.93	62.1%	8.77	5.38	63.1%
Lợi nhuận sau thuế	1.15	0.69	67.4%	6.85	4.14	65.5%
LNST của CĐ cty mẹ	1.15	0.69	67.4%	6.85	4.14	65.5%

(Nguồn: fireant.vn)

